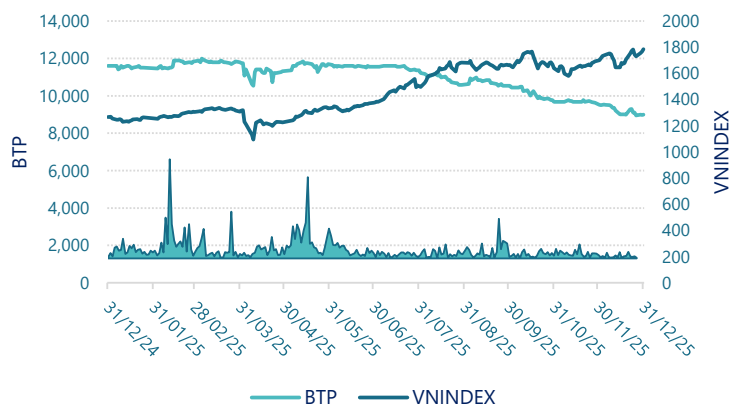


CTCP Nhiệt điện Bà Rịa (HSX: BTP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,990
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,991
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,950
SL cổ phiếu LH	60,485,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,325
% sở hữu nước ngoài	2.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	544
P/E	13.2
EPS	682

DT thuần

Q4/25

72.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.30 | 6.4%

YoY: ▼ 6.70 | -8.5%

LN sau thuế

Q4/25

22.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.6 | 160%

YoY: ▼ 0.90 | -3.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

17.0%

+/- YoY: ▲ 3.9%

DT thuần

2025

263

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 94.0 | -26.3%

LN sau thuế

2025

41.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 1.50 | -3.6%

ROE

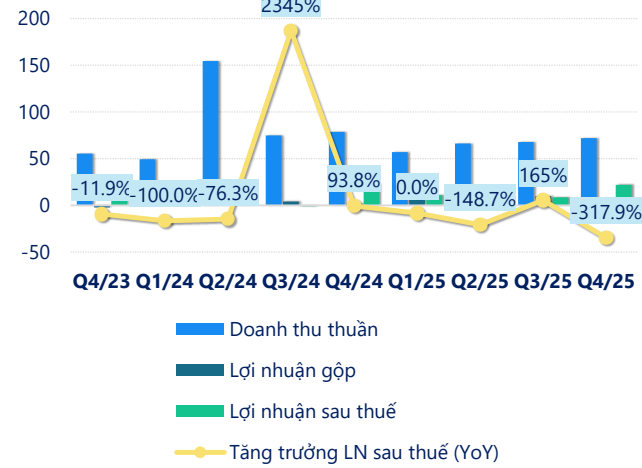
2025

3.9%

+/- YoY: ▲ 0.1%

tỷ VNĐ

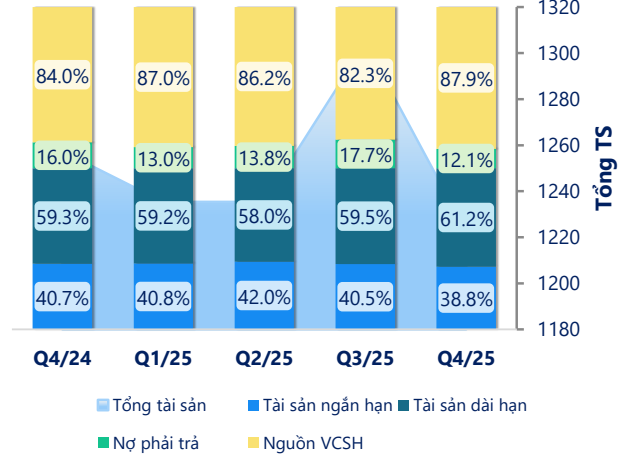
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

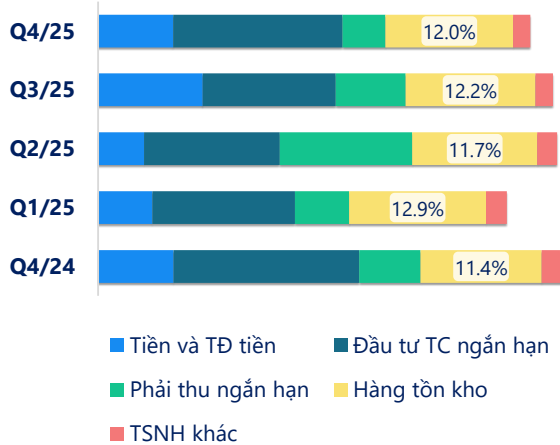
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



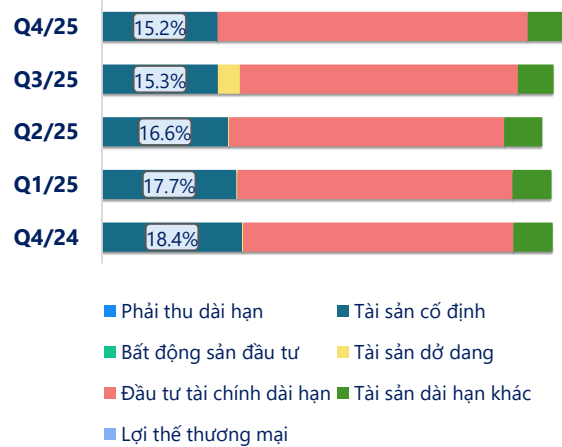
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

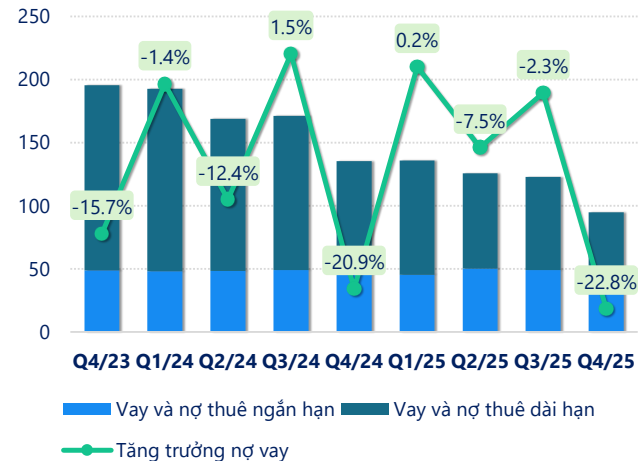
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

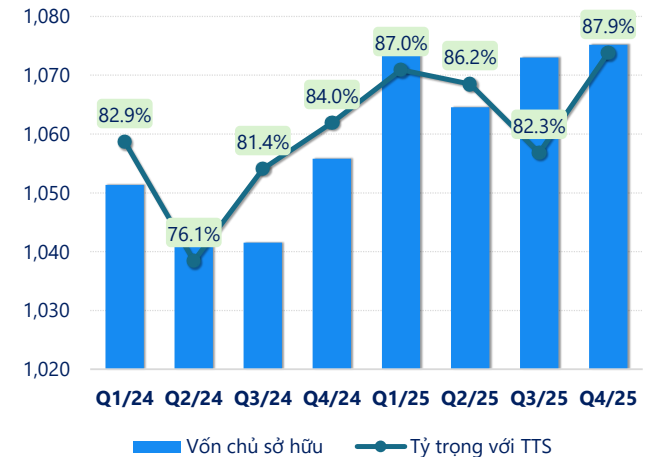
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

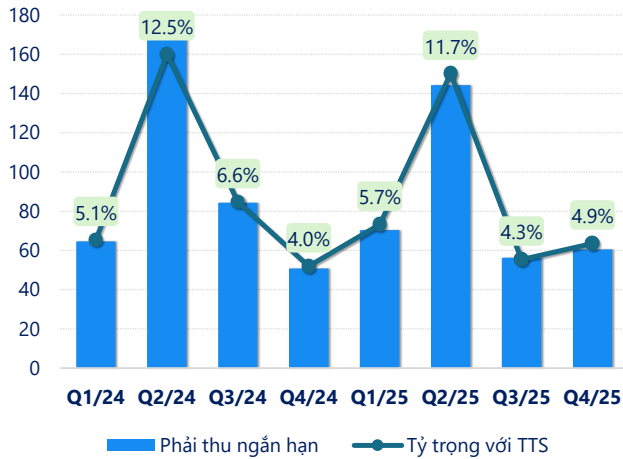
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


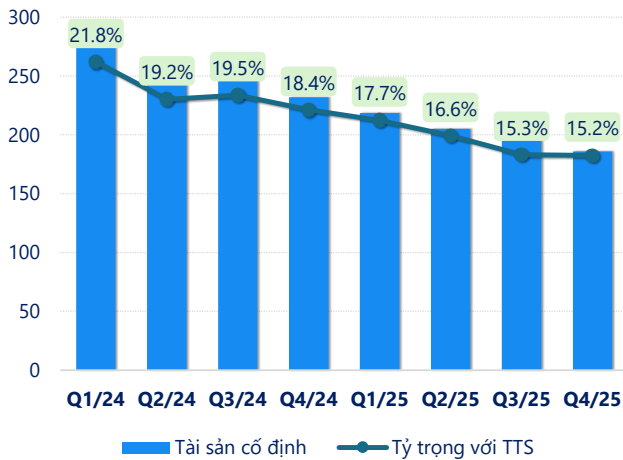
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

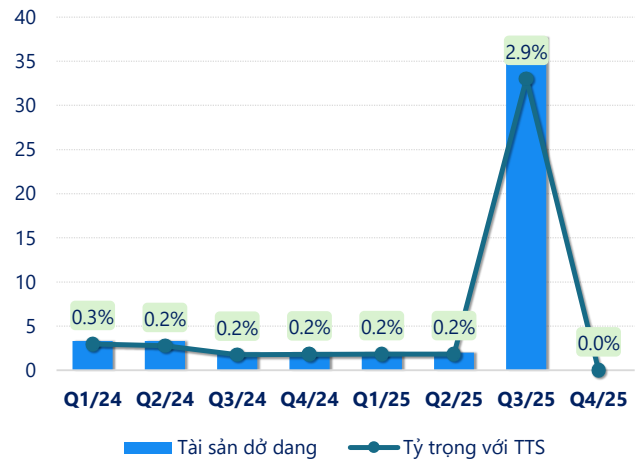

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

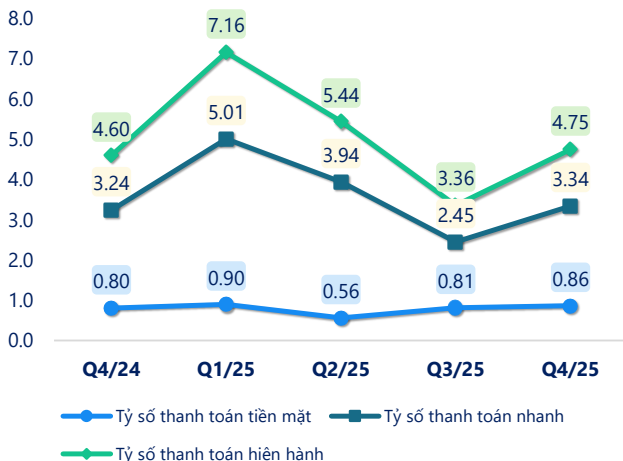
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

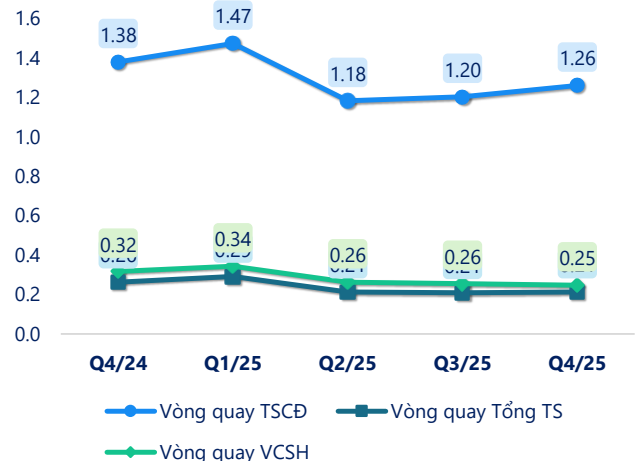
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,257	1,235	1,235	1,304	1,223
Tài sản ngắn hạn	512	504	519	529	475
Tiền và tương đương tiền	89.3	63.2	53.6	128	86.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	200	200	165	190	177
Phải thu ngắn hạn	50.8	70.4	144	56.2	60.5
Hàng tồn kho	151	151	143	143	140
Tài sản ngắn hạn khác	20.4	19.3	13.0	11.0	10.7
Tài sản dài hạn	746	731	716	776	748
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	232	219	205	199	186
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.99	1.99	1.99	37.7	0
Đầu tư tài chính dài hạn	447	447	447	477	499
Tài sản dài hạn khác	64.7	63.3	61.7	61.3	62.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	202	161	171	231	147
Nợ ngắn hạn	111	70.5	95.4	157	100
Vay và nợ thuê ngắn hạn	45.2	45.3	50.3	49.1	47.4
Phải trả người bán ngắn hạn	39.1	1.99	2.08	56.2	9.16
Nợ dài hạn	90.3	90.5	75.4	73.7	47.4
Vay và nợ thuê dài hạn	90.3	90.5	75.4	73.7	47.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,056	1,074	1,065	1,073	1,075
Vốn chủ sở hữu	1,056	1,074	1,065	1,073	1,075
Vốn điều lệ	605	605	605	605	605
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)